

Số: 111 /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày 17 tháng 8 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Dương ngày 03 tháng 8 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 3514/TTr-CCBVMT ngày 16 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Dương, địa chỉ trụ sở chính tại tầng 4, tháp B Tòa nhà Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, đường Lê Lợi, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương tại thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên và phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương.

1.2. Địa điểm hoạt động: thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên và phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

1.3. Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương.

1.4. Mã số thuế: 3701921999

1.5. Quyết định thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Dương số 2109/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

1.6. Loại hình dự án:

- Loại công trình: Công trình dân dụng - công trình y tế.
- Nội dung hoạt động của dự án: Thực hiện các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, kết hợp, ứng dụng y học cổ truyền trong chữa bệnh và phòng bệnh; chăm sóc sức khỏe sinh sản; cung ứng thuốc thiết yếu; quản lý sức khỏe cộng đồng; truyền thông giáo dục sức khỏe theo hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên và quy định của pháp luật. Tại Trạm y tế chỉ thực hiện khám, chữa bệnh thông thường, sơ cứu, cấp cứu đơn giản, tiêm vắc xin; không thực hiện điều trị, thủ thuật, giải phẫu bệnh, xét nghiệm, không chụp X-quang, không siêu âm.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

1.7.1. Phạm vi:

- Trạm y tế thị trấn Tân Thành: Diện tích khu đất xây dựng 3.190,30m², trong đó:

+ Diện tích chiếm đất của công trình: 641,21m², trong đó: Khối chính (Trạm y tế) 02 tầng có diện tích 479,97m² (Tầng 1 gồm: sảnh đón tiếp; quầy đón tiếp, quầy thuốc; kho thuốc; phòng hành chính - giao ban; phòng trực; phòng rửa, tiết trùng; sơ cứu, cấp cứu; phòng khám bệnh 1; khu tập phục hồi chức năng, không gian đợi; phòng Y dược học cổ truyền; phòng khám bệnh 2; Khu lấy mẫu xét nghiệm; khu vệ sinh; Tầng 2 gồm: phòng trưởng trạm; phòng nhân viên; sảnh - khu vực chờ tiêm vắc xin; phòng lưu bệnh nhân thường; phòng tiêm-tiêm vắc xin; phòng bếp; kho chung; phòng họp; khu vệ sinh); Khối nhà phụ trợ diện tích 61,24m² (gồm phòng tủ điện điều hành xử lý nước thải, kho rác, nhà che máy bơm, máy phát điện dự phòng, phòng giặt, kho đồ sạch); Hạng mục công trình phụ trợ: Nhà để xe nhân viên, khách (100m²); Cổng chính – Biển tên – Hàng rào; Vườn thuốc nam (91m²); Sân phơi thuốc (32,8m²); Bể nước cấp; sân, đường bê tông, cây xanh, thảm cỏ, sân đường và công trình hạ tầng kỹ thuật.

+ Diện tích cây xanh: 1.585,59m².

+ Diện tích giao thông nội bộ: 963,5m².

+ Diện tích đất thuộc hành lang an toàn đường bộ (Đất giao thông tiếp cận công trình): 307,69m².

- Trạm y tế phường Hòa Lợi: tổng diện tích đất sử dụng 2.748,3m², trong đó:

+ Diện tích chiếm đất của công trình: 659,78m², trong đó đất xây dựng công

trình hiện hữu (không thuộc phạm vi dự án) có diện tích 195,38m²; đất xây dựng công trình đầu tư mới có diện tích 464,4m² gồm Khối chính (Trạm y tế) 02 tầng có diện tích 427,4m² (Tầng 1 gồm: sảnh đón tiếp; quầy đón tiếp, quầy thuốc; kho thuốc; phòng hành chính - giao ban; phòng trực; phòng rửa, tiệt trùng; sơ cứu, cấp cứu; phòng khám bệnh 1; khu tập phục hồi chức năng, không gian đợi; phòng Y dược học cổ truyền; phòng khám bệnh 2; Khu lấy mẫu xét nghiệm; khu vệ sinh; Tầng 2 gồm: phòng trưởng trạm; phòng nhân viên; sảnh - khu vực chờ tiêm vắc xin; phòng lưu bệnh nhân thường; phòng tiêm-tiêm vắc xin; phòng bếp; kho chung; phòng họp; khu vệ sinh); Khối nhà phụ trợ diện tích 29m² (gồm phòng giặt, kho đồ sạch, máy phát điện dự phòng); Hạng mục công trình phụ trợ: Kho rác (8m²); công phụ, cải tạo hàng rào xung quanh; Vườn thuốc nam (32,48m²); sân, cây xanh, thảm cỏ, sân đường và công trình hạ tầng kỹ thuật.

+ Diện tích cây xanh: 1.165,52m².

+ Diện tích giao thông nội bộ: 544,5m².

+ Diện tích đất thuộc hành lang an toàn đường bộ (Đất giao thông tiếp cận công trình): 378,5m².

Sau khi hoàn thành xây dựng Trạm y tế phường Hòa Lợi, Trạm y tế hiện hữu sẽ được bàn giao, chuyển đổi công năng và hoạt động độc lập với Trạm y tế phường Hòa Lợi. Do đó, phạm vi cấp phép môi trường của Trạm y tế phường Hòa Lợi không bao gồm hoạt động của Trạm y tế hiện hữu.

1.7.2. Quy mô dự án:

- Theo Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì Dự án thuộc Dự án đầu tư nhóm III nằm trên địa bàn thị xã Bến Cát và huyện Bắc Tân Uyên.

- Theo Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương thì dự án thuộc nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công). Dự án thuộc loại hình dự án đầu tư mới.

1.7.3. Quy mô hoạt động:

- Trạm y tế thị trấn Tân Thành:

+ Số giường bệnh: 05, trong đó có 02 giường lưu trú bệnh nhân và 03 giường sử dụng khám bệnh.

+ Số nhân viên y tế: 07 người.

- Trạm y tế phường Hòa Lợi:

+ Số giường bệnh: 07, trong đó có 02 giường lưu trú bệnh nhân và 05 giường sử dụng khám bệnh.

+ Số nhân viên y tế: 07 người.

1.8. Đơn vị thụ hưởng: Trung tâm y tế huyện Bắc Tân Uyên và Trung tâm y

tế thị xã Bến Cát.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Dương và đơn vị thụ hưởng dự án:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Dương có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình thu gom, xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Khi bàn giao lại cho Đơn vị thụ hưởng là Trung tâm y tế huyện Bắc Tân Uyên và Trung tâm y tế thị xã Bến Cát thì Trung tâm y tế huyện Bắc Tân Uyên và Trung tâm y tế thị xã Bến Cát có trách nhiệm tiếp tục quản lý và thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày ..17.. tháng ..8.. năm 2023

đến ngày 11. tháng 8... năm 2033).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương tại thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên và phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- UBND huyện Bắc Tân Uyên, thị xã Bến Cát;
- UBND thị trấn Tân Thành, phường Hòa Lợi;
- Công Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, H.Giang7.



GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **III**/GPMT-STNMT ngày **11** tháng **8** năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh tối đa của Dự án khoảng 10m³/ngày, trong đó: Trạm y tế thị trấn Tân Thành: 5 m³/ngày; Trạm y tế phường Hòa Lợi: 5 m³/ngày.

- Trạm y tế thị trấn Tân Thành:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của bệnh nhân, người đến khám chữa bệnh, nhân viên y tế với lưu lượng lớn nhất khoảng 3,6m³/ngày.

+ Nguồn số 02: Nước thải từ phòng bếp với lưu lượng lớn nhất khoảng 0,7m³/ngày.

+ Nguồn số 03: Nước thải từ phòng giặt với lưu lượng lớn nhất khoảng 0,5m³/ngày.

+ Nguồn số 04: Nước thải y tế từ các nguồn khác như vệ sinh súc rửa dụng cụ y tế, vệ sinh tại các bồn rửa, lavabo, vệ sinh sàn của các phòng chức năng với lưu lượng lớn nhất khoảng 0,2m³/ngày.

- Trạm y tế phường Hòa Lợi:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của bệnh nhân, người đến khám chữa bệnh, nhân viên y tế với lưu lượng lớn nhất khoảng 3,6m³/ngày.

+ Nguồn số 02: Nước thải từ phòng bếp với lưu lượng lớn nhất khoảng 0,7m³/ngày.

+ Nguồn số 03: Nước thải từ phòng giặt với lưu lượng lớn nhất khoảng 0,5m³/ngày.

+ Nguồn số 04: Nước thải y tế từ các nguồn khác như vệ sinh súc rửa dụng cụ y tế, vệ sinh tại các bồn rửa, lavabo, vệ sinh sàn của các phòng chức năng với lưu lượng lớn nhất khoảng 0,2m³/ngày.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

- Trạm y tế thị trấn Tân Thành: Hồ Đá Bàn, thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên.

- Trạm y tế phường Hòa Lợi: Kênh Rạch Giữa rồi ra suối Ông Thiêng → Sông

Sài Gòn.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Trạm y tế thị trấn Tân Thành:

+ 01 điểm tại hố ga hiện hữu GM.LS.S1.25 thuộc Hệ thống thoát nước dọc đường ĐT.746 của Công trình đường Tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng (đã được Sở Giao thông Vận tải chấp thuận đầu nối nước thải sau khi được xử lý đạt quy chuẩn vào đường ĐT.746 tại Văn bản số 2381/SGTVT-QLGT ngày 07 tháng 07 năm 2023).

+ Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 1234354.756$; $Y(m) = 619329.199$ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

- Trạm y tế phường Hòa Lợi:

+ 01 điểm tại hố ga hiện hữu trên đường ĐT.741 (đã được Sở Giao thông vận tải chấp thuận đầu nối nước thải sau xử lý vào đường ĐT.741 tại Văn bản số 2503/SGTVT-QLGT ngày 14 tháng 7 năm 2023).

+ Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 1227536.370$; $Y(m) = 599545.668$ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $05 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (trung bình $0,208 \text{ m}^3/\text{giờ}$) cho mỗi trạm y tế.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Trạm y tế thị trấn Tân Thành:

+ Nước thải sau khi xử lý (đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế - QCVN 28:2010/BTNMT, cột A ($k=1,2$)) sẽ theo đường ống thoát nước riêng HDPE D160mm, dài 23,8m → Hố ga giám sát bên ngoài dự án → Đường ống HDPE D160mm, dài 8,2m → Hố ga trung chuyển → Cống bê tông ly tâm D400mm dài 6,5m → Đầu nối vào hố ga hiện hữu GM.LS.S1.25 trên đường ĐT 746 → Cống thoát nước BTCT D1000mm dài 4.972m trên đường ĐT 746 → Cống thoát nước BTCT D1000mm dài 1.623,3m trên đường HL 415 → Hồ Đá Bàn → Sông Đồng Nai.

+ Hình thức xả: Tự chảy.

- Trạm y tế phường Hòa Lợi:

+ Nước thải sau khi xử lý (sau công trình xử lý nước thải, công suất thiết kế $5 \text{ m}^3/\text{ngày}$) (đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế - QCVN 28:2010/BTNMT, cột A ($k=1,2$)) sẽ theo đường ống thoát nước riêng HDPE D160mm, dài 7,5m → Hố ga giám sát bên ngoài dự án → Đường ống HDPE D160mm, dài 5,5m → Hố ga trung chuyển → Ống uPVC D250mm, dài 280m trên đường ĐT 741 do Chủ dự án đầu tư mới → Đầu nối vào hố ga hiện hữu tại

Km7+940 trên đường ĐT.741 (cách đường N14 khoảng 300m và cách trạm y tế Hòa Lợi khoảng 280m) → Ống uPVC D250mm dài 300m trên đường ĐT 741 → Hệ thống thoát nước trên đường N14 (thuộc khu Becamex Hòa Lợi) → Kênh Rạch Giữa (khu vực giáp khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II với khu công nghiệp Đồng An II) → Suối Ông Thiêng (khu vực Cầu Cháy) → Sông Sài Gòn.

+ Hình thức xả: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế - QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, hệ số K = 1,2, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5 ÷ 8,5	Không thuộc đối tượng quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022
2	BOD ₅	mg/l	36	
3	COD	mg/l	60	
4	TSS	mg/l	60	
5	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/l	6	
6	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	36	
7	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	7,2	
8	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12	
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	
12	Coliform	MPN/100ml	3.000	
13	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH	
14	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH	
15	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về công trình xử lý nước thải:

- Trạm y tế thị trấn Tân Thành:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của bệnh nhân, người đến khám chữa bệnh, nhân viên y tế từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn (02 bể có thể tích $6,8m^3/1$ bể), sau đó đầu nối vào đường ống HDPE D160, D200mm dẫn về công trình xử lý nước thải.

+ Nguồn số 02: Nước thải từ phòng bếp được thu gom bằng ống đứng uPVC D60mm xử lý sơ bộ tại bể tách dầu mỡ (thể tích 180 lít), sau đó đầu nối vào đường ống HDPE D160mm dẫn về công trình xử lý nước thải.

+ Nguồn số 03: Nước thải từ phòng giặt theo ống HDPE D90mm đầu nối vào đường ống HDPE D200mm dẫn về công trình xử lý nước thải.

+ Nguồn số 04: Nước thải y tế từ các nguồn khác như vệ sinh súc rửa dụng cụ y tế, vệ sinh tại các bồn rửa, lavabo, vệ sinh sàn của các phòng chức năng theo các ống uPVC D60mm, D90mm đầu nối vào đường ống HDPE D160mm, D200mm dẫn về công trình xử lý nước thải.

- Trạm y tế phường Hòa Lợi:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của bệnh nhân, người đến khám chữa bệnh, nhân viên y tế từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn (02 bể có thể tích $6,8m^3/1$ bể), sau đó đầu nối vào đường ống HDPE D160mm dẫn về công trình xử lý nước thải.

+ Nguồn số 02: Nước thải từ phòng bếp được thu gom bằng ống đứng uPVC D60mm xử lý sơ bộ tại bể tách dầu mỡ (thể tích 180 lít), sau đó đầu nối vào đường ống HDPE D160mm dẫn về công trình xử lý nước thải.

+ Nguồn số 03: Nước thải từ phòng giặt theo ống HDPE D90mm đầu nối vào đường ống HDPE D200mm dẫn về công trình xử lý nước thải.

+ Nguồn số 04: Nước thải y tế từ các nguồn khác như vệ sinh súc rửa dụng cụ y tế, vệ sinh tại các bồn rửa, lavabo, vệ sinh sàn của các phòng chức năng theo các ống uPVC D60mm, D90mm đầu nối vào đường ống HDPE D160mm dẫn về công trình xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Trạm y tế thị trấn Tân Thành:

+ Công suất thiết kế: $5 m^3/ngày.đêm$.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorine viên nén.

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải đen (sau bể tự hoại) + Nước thải phòng bếp (sau bể tách dầu mỡ) + Nước thải từ các nguồn khác → Bể điều hòa yếm khí (Rast) → Module hợp khối dạng mẻ (Xử lý thiếu khí → Xử lý sinh học hiếu khí → Lọc màng MBR → Khử trùng) → Đường ống HDPE D160mm, dài 23,8m → Hồ ga giám sát bên ngoài dự án → Đường ống HDPE D160mm, dài 8,2m → Hồ ga trung chuyển → Cống bê tông ly tâm D400mm dài 6,5m → Đầu nối vào hồ ga hiện hữu GM.LS.S1.25 trên đường ĐT 746 → Cống thoát nước

BTCT D1000mm dài 4.972m trên đường ĐT 746.

- Trạm y tế phường Hòa Lợi:
- + Công suất thiết kế: 5 m³/ngày.đêm.
- + Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorine viên nén.
- + Nước thải đen (*sau bể tự hoại*) + Nước thải phòng bếp (*sau bể tách dầu mỡ*)
- + Nước thải từ các nguồn khác → Bể điều hòa yếm khí (*Rast*) → Module hợp khối dạng mẻ (*Xử lý thiếu khí → Xử lý sinh học hiếu khí → Lọc màng MBR → Khử trùng*) → Đường ống HDPE D160mm, dài 7,5m → Hồ ga giám sát bên ngoài dự án → Đường ống HDPE D160mm, dài 5,5m → Hồ ga trung chuyển → Ống uPVC D250mm, dài 280m trên đường ĐT 741 do Chủ dự án đầu tư mới → Đầu nối vào hồ ga hiện hữu tại Km7+940 trên đường ĐT.741 → Ống uPVC D250mm dài 300m trên đường ĐT 741.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, nếu nước thải sau xử lý không đáp ứng quy chuẩn cho phép xả thải thì Chủ dự án phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

+ Rà soát các công trình, thiết bị xử lý chất thải, quy trình vận hành công trình xử lý chất thải để xác định nguyên nhân gây ô nhiễm và đưa ra giải pháp khắc phục; cải tạo, nâng cấp, xây dựng bổ sung (nếu có) các công trình xử lý chất thải để đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định;

+ Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường, chủ dự án đầu tư phải dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm và báo cáo kịp thời tới cơ quan cấp giấy phép môi trường để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

+ Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải hoặc từng hạng mục công trình xử lý chất thải không đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải để vận hành lại. Trình tự, thủ tục, thời gian vận hành thử nghiệm lại công trình xử lý chất thải được thực hiện như vận hành thử nghiệm lần đầu.

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của công trình bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong công trình thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của công trình, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của công trình.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách; đảm bảo vận hành công trình theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân

tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của công trình xử lý.

- Khi công trình xử lý nước thải không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường: Thiết kế đường ống và bơm để tuần hoàn nước thải về lại bể điều hòa, trong trường hợp bể điều hòa không đảm bảo, tiến hành lưu chứa tại các bể xử lý khác để tăng thời gian; tăng cường công suất máy thổi khí (bố trí máy dự phòng) của bể hiếu khí khi có sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến 01 tháng (từ ngày 01 tháng 12 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Trạm y tế thị trấn Tân Thành:

+ Mẫu đầu vào của công trình xử lý nước thải (tại Bể điều hòa). Tọa độ: X(m) = 1234299; Y(m) = 619251 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

+ Mẫu đầu ra công trình xử lý nước thải (tại Hố ga giám sát bên ngoài dự án). Tọa độ: X(m) = 1234332; Y(m) = 619322 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

- Trạm y tế phường Hòa Lợi:

+ Mẫu đầu vào của công trình xử lý nước thải (tại Bể điều hòa). Tọa độ: X(m) = 1227805; Y(m) = 599569 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

+ Mẫu đầu ra công trình xử lý nước thải (tại Hố ga giám sát bên ngoài dự án). Tọa độ: X(m) = 1227805; Y(m) = 599558 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu tại mỗi Trạm y tế (Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải):

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (giai đoạn điều chỉnh do chủ dự án tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải).

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào tại Bể điều hòa và 03 mẫu nước thải đầu ra tại hố ga giám sát bên trong dự án trong 03 ngày liên tiếp).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành công trình xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 111 /GPMT-STNMT ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

- Thực hiện các biện pháp kiểm soát nhằm giảm thiểu khí thải từ hoạt động của máy phát điện như:

+ Đầu tư máy phát điện mới 100%, sử dụng nhiên liệu dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh thấp (0,05%).

+ Bố trí máy phát trong phòng riêng, tách riêng với khối y tế chính, xung quanh giáp với sân đường nội bộ và đất trồng cây xanh.

+ Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy phát điện.

+ Trường hợp thiết bị hay bộ phận nào của máy phát gặp sự cố, phải thay thế, sửa chữa kịp thời hoặc trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để kiểm tra, khắc phục.

- Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 111 /GPMT-STNMT ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Trạm y tế thị trấn Tân Thành:
- + Nguồn số 01: máy phát điện dự phòng công suất 5kW.
- + Nguồn số 02: khu vực công trình xử lý nước thải.
- Trạm y tế phường Hòa Lợi:
- + Nguồn số 01: máy phát điện dự phòng công suất 5kW.
- + Nguồn số 02: khu vực công trình xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Trạm y tế thị trấn Tân Thành:
- + Nguồn số 01: Tọa độ: X(m)=1234309; Y(m)= 619260 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°).
- + Nguồn số 02: Tọa độ: X(m)=1234298; Y(m)= 619247 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°).
- Trạm y tế phường Hòa Lợi:
- + Nguồn số 01: Tọa độ: X(m)=127828; Y(m)= 599643 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°).
- + Nguồn số 02: Tọa độ: X(m)=1227806; Y(m)= 599566 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
----	--	----------------------------	---------

	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy thổi khí, máy bơm đặt trong nhà điều hành công trình xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông và đặt trong khu vực cách âm, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 111 /GPMT-STNMT ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

I. Trạm y tế Tân Thành:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Chung loại, khối lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh tại trạm y tế như sau:

TT	Chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	2.064	Rắn	13 01 01	NH
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	25	Lỏng	13 01 02	KS
3	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	20	Rắn/ Lỏng	13 01 03	NH
4	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế, huyết áp kế)	30	Rắn	13 03 02	NH
5	Bóng đèn huỳnh quang	5	Rắn	16 01 06	NH
6	Pin, ắc quy thải	8	Rắn	16 01 12	NH
7	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	40	Rắn	18 01 01	KS
8	Bao bì kim loại cứng thải	20	Rắn	18 01 02	KS
9	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	30	Rắn	18 01 03	KS
10	Giẻ lau, găng tay thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	50	Rắn	18 02 01	KS
	Tổng	2.292,2			

1.2. Chung loại, khối lượng chất thải y tế thông thường phát sinh tại trạm y tế như sau:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 10	175,2
2	Dầu mỡ thải từ bể tách mỡ	12 06 11	161
3	Chất thải y tế không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm	13 01 05	8.458,3
4	Hóa chất thải y tế không có thành phần nguy hại	13 01 06	1.220
5	Dược phẩm không có thành phần gây độc tế bào thải	13 01 07	300,6
TỔNG KHỐI LƯỢNG			10.315

1.3. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khi dự án đi vào hoạt động, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại trạm y tế bao gồm: chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý với khối lượng khoảng 9.307,5 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải y tế nguy hại, chất thải y tế thông thường và chất thải rắn sinh hoạt:

2.1. Thiết bị, công trình, công trình lưu giữ chất thải y tế nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Trang bị 6 thùng chứa loại 7 lít, 4 thùng 12 lít, 21 thùng 15 lít, 6 hộp đựng kim tiêm có nắp đậy kín, lót túi bên trong, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại tại các phòng chức năng.

- Trang bị 4 thùng chứa loại 60 lít (*chứa chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm*) và 4 thùng chứa loại 30 lít (*chứa chất thải y tế nguy hại lây nhiễm*) có nắp đậy kín, lót túi bên trong, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại, bố trí tại kho chứa chất thải y tế nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- 01 kho chứa chất thải y tế nguy hại diện tích 6m²; chiều cao 3,76m tại khối nhà phụ trợ bên ngoài khối chính.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: được thiết kế có tường bao, mái che kín; nền kho cao hơn cốt sân đường đảm bảo không bị ngập, nền chống thấm tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; phân chia các ô cho từng loại chất thải nguy hại, có dấu hiệu cảnh báo tương ứng với loại chất thải nguy hại; có gờ bao quanh; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy (bình chữa cháy, cát,...); theo đúng quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; vật liệu hấp thụ (cát, mùn cưa)

sử dụng trong trường hợp rò rỉ, tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có bảng hướng dẫn quy trình trình vận hành an toàn, quy trình ứng phó sự cố; bên ngoài có cửa khóa, có bảng tên, biển cảnh báo chất thải nguy hại.

2.2. Thiết bị, công trình, công trình lưu giữ chất thải y tế thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Dầu mỡ thải, bùn phát sinh từ công trình xử lý nước thải định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.
- Trang bị 16 thùng chứa loại 15 lít, có nắp đậy kín, lót túi bên trong, dán nhãn lưu chứa từng loại chất thải tại các phòng chức năng.
- Trang bị 2 thùng loại 60 lít và 3 thùng loại 30 lít bố trí tại khu lưu chứa chất thải y tế thông thường.

2.2.2. Kho lưu chứa: 01 kho chứa chất thải y tế thông thường và chất thải rắn sinh hoạt diện tích $6m^2$; chiều cao 3,76m tại khối nhà phụ trợ bên ngoài khối chính. Trong kho chia vách ngăn phân thành 2 khu, khu vực lưu chứa chất thải y tế thông thường diện tích $3m^2$, khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích $3m^2$ và có dán nhãn phân biệt cho từng khu.

2.3. Thiết bị, công trình, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Trang bị 10 thùng chứa loại 7 lít, 2 thùng 25 lít, 8 thùng 80 lít có nắp đậy kín, lót túi bên trong, dán nhãn để phân biệt loại chất thải.
- Trang bị 2 thùng loại 120 lít bố trí tại khu lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.2. Kho lưu chứa: 01 kho chứa chất thải y tế thông thường và chất thải rắn sinh hoạt diện tích $6m^2$; chiều cao 3,76m tại khối nhà phụ trợ bên ngoài khối chính. Trong kho chia vách ngăn phân thành 2 khu, khu vực lưu chứa chất thải y tế thông thường diện tích $3m^2$, khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích $3m^2$ và có dán nhãn phân biệt cho từng khu.

2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường chung đối với việc lưu giữ chất thải y tế nguy hại, chất thải y tế thông thường và chất thải rắn sinh hoạt

- Quản lý chất thải y tế theo đúng quy định có liên quan đến phân loại, thu gom, lưu giữ, khu vực lưu giữ chất thải theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và theo quy định tại mục 3 của Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023.

- Tại các khu vực phát sinh chất thải trong trạm y tế bố trí các thùng chứa và bảng hướng dẫn cách phân loại, để hướng dẫn nhân viên y tế và bệnh nhân, người đến khám chữa bệnh có thể thải bỏ vào các thùng chứa theo đúng quy định.

- Chất thải phát sinh trong trạm y tế được phân loại ngay tại nguồn, tại văn phòng, các phòng chức năng. Trang bị bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa các loại

chất thải (*dán nhãn theo từng loại*) và bố trí tại các vị trí phù hợp trong mỗi phòng, khu vực phát sinh; vận chuyển đến kho lưu chứa chung.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại, chất thải y tế thông thường và chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

- Các thiết bị, công trình, công trình lưu giữ chất thải y tế nguy hại, chất thải y tế thông thường và chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Điều 33, 34, 36, 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

II. Trạm y tế phường Hòa Lợi:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Chung loại, khối lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh tại trạm y tế như sau:

TT	Chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	2.064	Rắn	13 01 01	NH
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	25	Lỏng	13 01 02	KS
3	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	20	Rắn/ Lỏng	13 01 03	NH
4	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế, huyết áp kế)	30	Rắn	13 03 02	NH
5	Bóng đèn huỳnh quang	5	Rắn	16 01 06	NH
6	Pin, ắc quy thải	8	Rắn	16 01 12	NH
7	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	40	Rắn	18 01 01	KS
8	Bao bì kim loại cứng thải	20	Rắn	18 01 02	KS
9	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	30	Rắn	18 01 03	KS
10	Giẻ lau, găng tay thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	50	Rắn	18 02 01	KS
	Tổng	2.292,2			

1.2. Chung loại, khối lượng chất thải y tế thông thường phát sinh tại trạm y tế như sau:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 10	175,2
2	Dầu mỡ thải từ bể tách mỡ	12 06 11	161
3	Chất thải y tế không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm	13 01 05	8.458,3
4	Hóa chất thải y tế không có thành phần nguy hại	13 01 06	1.220
5	Dược phẩm không có thành phần gây độc tế bào thải	13 01 07	300,6
TỔNG KHỐI LƯỢNG			10.315

1.3. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khi dự án đi vào hoạt động, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại trạm y tế bao gồm: chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý với khối lượng khoảng 9.307,5 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải y tế nguy hại, chất thải y tế thông thường và chất thải rắn sinh hoạt:

2.1. Thiết bị, công trình, công trình lưu giữ chất thải y tế nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Trang bị 6 thùng chứa loại 7 lít, 4 thùng 12 lít, 21 thùng 15 lít, 6 hộp đựng kim tiêm có nắp đậy kín, lót túi bên trong, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại tại các phòng chức năng.

- Trang bị 4 thùng chứa loại 60 lít (*chứa chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm*) và 4 thùng chứa loại 30 lít (*chứa chất thải y tế nguy hại lây nhiễm*) có nắp đậy kín, lót túi bên trong, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại, bố trí tại kho chứa chất thải y tế nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- 01 kho chứa chất thải y tế nguy hại diện tích 4m²; chiều cao 2,335m tại khuôn viên cây xanh bên ngoài khối chính.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: được thiết kế khung inox hộp, mái che kín; nền kho cao hơn cốt sân đường đảm bảo không bị ngập, nền gạch chống thấm tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; phân chia các ô cho từng loại chất thải nguy hại, có dấu hiệu cảnh báo tương ứng với loại chất thải nguy hại; có gờ bao quanh; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy (bình chữa cháy, cát,...); theo đúng quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; vật liệu hấp thụ (cát,

mùn cưa) sử dụng trong trường hợp rò rỉ, tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có bảng hướng dẫn quy trình vận hành an toàn, quy trình ứng phó sự cố; bên ngoài có cửa khóa, có bảng tên, biển cảnh báo chất thải nguy hại.

2.2. Thiết bị, công trình, công trình lưu giữ chất thải y tế thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Dầu mỡ thải, bùn phát sinh từ công trình xử lý nước thải định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Trang bị 16 thùng chứa loại 15 lít, có nắp đậy kín, lót túi bên trong, dán nhãn lưu chứa từng loại chất thải tại các phòng chức năng.

- Trang bị 2 thùng loại 60 lít và 3 thùng loại 30 lít bố trí tại khu lưu chứa chất thải y tế thông thường.

2.2.2. Kho lưu chứa: 01 kho chứa chất thải y tế thông thường và chất thải rắn sinh hoạt diện tích $4m^2$; chiều cao 2,335m tại khuôn viên cây xanh bên ngoài khối chính. Trong kho chia vách ngăn phân thành 2 khu, khu vực lưu chứa chất thải y tế thông thường diện tích $2m^2$, khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích $2m^2$ và có dán nhãn phân biệt cho từng khu.

2.3. Thiết bị, công trình, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Trang bị 10 thùng chứa loại 7 lít, 2 thùng 25 lít, 8 thùng 80 lít có nắp đậy kín, lót túi bên trong, dán nhãn để phân biệt loại chất thải.

- Trang bị 2 thùng loại 120 lít bố trí tại khu lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.2. Kho lưu chứa: 01 kho chứa chất thải y tế thông thường và chất thải rắn sinh hoạt diện tích $4m^2$; chiều cao 2,335m tại khuôn viên cây xanh bên ngoài khối chính. Trong kho chia vách ngăn phân thành 2 khu, khu vực lưu chứa chất thải y tế thông thường diện tích $2m^2$, khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích $2m^2$ và có dán nhãn phân biệt cho từng khu.

2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường chung đối với việc lưu giữ chất thải y tế nguy hại, chất thải y tế thông thường và chất thải rắn sinh hoạt

- Quản lý chất thải y tế theo đúng quy định có liên quan đến phân loại, thu gom, lưu giữ, khu vực lưu giữ chất thải theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và theo quy định tại mục 3 của Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023.

- Tại các khu vực phát sinh chất thải trong trạm y tế bố trí các thùng chứa và bảng hướng dẫn cách phân loại, để hướng dẫn nhân viên y tế và bệnh nhân, người đến khám chữa bệnh có thể thải bỏ vào các thùng chứa theo đúng quy định.

- Chất thải phát sinh trong trạm y tế được phân loại ngay tại nguồn, tại văn phòng, các phòng chức năng. Trang bị bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa các loại

chất thải (*dán nhãn theo từng loại*) và bố trí tại các vị trí phù hợp trong mỗi phòng, khu vực phát sinh; vận chuyển đến kho lưu chứa chung.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại, chất thải y tế thông thường và chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

- Các thiết bị, công trình, công trình lưu giữ chất thải y tế nguy hại, chất thải y tế thông thường và chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Điều 33, 34, 36, 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Thành, phường Hòa Lợi và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn huyện Bắc Tân Uyên, thị xã Bến Cát theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Thành, phường Hòa Lợi về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Thành, phường Hòa Lợi nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện Bắc Tân Uyên, thị xã Bến Cát để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **111** /GPMT-STNMT ngày **17** tháng **8** năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Kiểm tra, quản lý chặt chẽ các chất thải từ các quá trình thi công, đảm bảo mọi loại chất thải, nước thải phát sinh từ hoạt động thi công của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục công trình của Dự án.

4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

5. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

7. Thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn, trật tự, vệ sinh và phòng, chống cháy, nổ và phòng ngừa ô nhiễm môi trường, bảo vệ môi trường trong quá trình thi công.

8. Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

9. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép, số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

11. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy

phép môi trường.

12. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

13. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định.

14. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

